

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,  
bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội,  
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2021**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 528/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2019-2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2018/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2019-2021;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2021 như sau:



1. Chỉ tiêu dự toán thu, chi năm 2021:

(Đơn vị: Triệu đồng)

| STT       | Chỉ tiêu   | Dự toán            |
|-----------|--|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>TỔNG SỐ THU</b>   | <b>448.723.675</b> |
| 1         | Thu tiền đóng theo chế độ quy định   | 406.223.675        |
|           | - Thu bảo hiểm xã hội  | 273.871.631        |
|           | - Thu bảo hiểm thất nghiệp   | 19.399.677         |
|           | - Thu bảo hiểm y tế  | 112.952.366        |
| 2         | Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư tài chính   | 42.500.000         |
| <b>II</b> | <b>TỔNG SỐ CHI</b>   | <b>350.826.363</b> |
| 1         | Chi chế độ bảo hiểm xã hội từ quỹ bảo hiểm xã hội  | 210.471.586        |
| 2         | Chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp  | 21.721.795         |
| 3         | Chi chế độ bảo hiểm y tế   | 106.118.250        |
| 4         | Chi phí quản lý bộ máy của cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động. | 4.491.908          |
| 5         | Chi các nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, phối hợp thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra.  | 6.130.324          |
| 6         | Chi ứng dụng công nghệ thông tin<br><i>Trong đó chi ứng dụng tin học hóa trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế</i>  | 892.500<br>50.000  |
| 7         | Chi thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Bảo hiểm xã hội Việt Nam   | 1.000.000          |

(Dự toán chi tiết giao cho các đơn vị theo phụ lục đính kèm)

2. Giao Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động) chủ động thực hiện cắt giảm trong phạm vi các nội dung chi phí quản lý được giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh dự toán giữa nhiệm vụ chi hoạt động bộ máy và chi thực hiện các nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra được giao năm 2021, giữa các đơn vị, giữa 02 nhiệm vụ chi trên trong cùng đơn vị và điều chỉnh cơ cấu nhiệm vụ chi từ chi phí quản lý trên cơ sở đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên



quan để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn (nếu cần thiết) sau khi đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua.

3. Mức chi hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn từ nguồn dự toán chi phí quản lý bảo hiểm y tế để thực hiện lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế là 7.000 đồng/người tính theo danh sách tăng, giảm đối tượng.

4. Việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

5. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

6. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về các thông tin, số liệu báo cáo, đề xuất, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện dự toán thu, chi được giao năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bảo đảm việc thực hiện đúng quy định;

2. Giao Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

a) Tăng cường công tác thu, thực hiện thi đúng, thu đủ tiền đóng vào các quỹ theo chế độ quy định; bảo đảm đủ và kịp thời kinh phí để thanh toán, chi trả chế độ, chính sách cho người thụ hưởng theo quy định;

b) Chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong phạm vi dự toán chi phí quản lý được giao theo nhiệm vụ chi để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2021; đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đã ban hành.

c) Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chi đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kinh phí, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ và sử dụng hiệu quả kinh phí được giao. Hoàn thiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế điện tử, duy trì, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, phần mềm nghiệp vụ, dịch vụ quản trị, vận hành; thanh toán kinh phí đã tạm ứng từ quỹ dự phòng bảo hiểm y tế thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2018 thực hiện liên thông hệ thống phần mềm giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Nghị quyết số 68/2016/QH13 của Quốc hội.

d) Định kỳ, báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu dự toán thu, chi năm 2021, về quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Giao Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan đề xuất chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2021-2025 nhằm đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết



số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại công văn số 02/BHXH-KHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2021 về chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội tự nguyện để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với việc sửa đổi, bổ sung các chính sách bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 28-NQ/TW.

c) Chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, cơ quan có liên quan khẩn trương sửa đổi quy định về căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của khu vực doanh nghiệp ít nhất bằng khoảng 70% tổng tiền lương và các khoản thu nhập có tính chất tiền lương của người lao động để khắc phục tình trạng trốn đóng, đóng không đủ bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến khả năng cân đối quỹ bảo hiểm xã hội và quyền lợi của người lao động theo Nghị quyết số 28-NQ/TW và Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính khẩn trương quy định giá dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp thực hiện thống nhất trên toàn quốc để có cơ sở triển khai thực hiện việc tư vấn, giới thiệu việc làm sử dụng từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm dịch vụ việc làm địa phương tổ chức điều hành trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức thực hiện đồng bộ các hoạt động về ứng dụng công nghệ thông tin về bảo hiểm thất nghiệp.

#### 4. Giao Bộ trưởng Bộ Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan đề xuất chỉ tiêu phát triển đối tượng bảo hiểm y tế giai đoạn 2021-2025 nhằm đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và công tác dân số trong tình hình mới.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đánh giá tình hình thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, khả năng thu, chi và cân đối quỹ bảo hiểm y tế, trên cơ sở đó, đề xuất lộ trình kết



cấu chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá dịch vụ y tế, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tổ chức thực hiện dự toán theo đúng quy định đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tăng cường đôn đốc, kiểm tra, thanh tra các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn thực hiện nghiêm việc trích, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đúng thời hạn, đảm bảo tỷ lệ số nợ trên số tiền phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm sau thấp hơn năm trước.

7. Căn cứ vào dự toán thu, chi được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam triển khai phân bổ, giao dự toán thu, chi năm 2021 đến từng đơn vị trực thuộc, thực hiện công khai theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với năm tài chính 2021.

**Điều 4.** Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán thu, chi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2021 theo chế độ quy định./

**Nơi nhận :**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng CP;
- Các phó Thủ tướng CP;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, Y tế, LĐT&XH, QP, CA;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b) **12**



**Nguyễn Xuân Phúc**



**Phụ Lục**  
**CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**  
**NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 500/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung chi   | ƯTH năm 2020 | Dự toán năm 2021 |               |                    |                       |                    |           |                   | Năm 2021 so năm 2020 |           |
|-----------|--|--------------|------------------|---------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------|-------------------|----------------------|-----------|
|           |  |              | Tổng số          | BHXH Việt Nam | BHXH Bộ Quốc phòng | BHXH Công an nhân dân | Bộ Lao động - TBXH |           |                   | Tăng, giảm           | Tỷ lệ (%) |
|           |  |              |                  |               |                    |                       | Bộ Lao động - TBXH | CPQL BHTN | CPQL BH TNLĐ, BNN |                      |           |
| A         | B  | -            | 1 = 2+3+4+5      | 2             | 3                  | 4                     | 5=6+7              | 6         | 7                 | 8=1-0                | 9=(1-0)/0 |
| <b>I</b>  | <b>TỔNG SỐ THU</b>                                       | 440.720.691  | 448.723.675      | 425.717.485   | 13.690.408         | 9.315.782             | -                  | -         | -                 | 8.002.983            | 1,8%      |
| <b>1</b>  | <b>Thu tiền đóng theo chế độ</b>                         | 393.124.679  | 406.223.675      | 383.217.485   | 13.690.408         | 9.315.782             | -                  | -         | -                 | 13.098.996           | 3,3%      |
| a         | Thu Bảo hiểm xã hội                                      | 263.949.114  | 273.871.631      | 254.532.514   | 11.360.812         | 7.978.305             | -                  | -         | -                 | 9.922.517            | 3,8%      |
| b         | Thu Bảo hiểm y tế  | 110.461.203  | 112.952.366      | 109.395.776   | 2.225.918          | 1.330.672             | -                  | -         | -                 | 2.491.163            | 2,3%      |
| c         | Thu Bảo hiểm thất nghiệp                                 | 18.714.362   | 19.399.677       | 19.289.194    | 103.678            | 6.805                 | -                  | -         | -                 | 685.315              | 3,7%      |
| <b>2</b>  | <b>Tiền sinh lời hoạt động đầu tư quỹ</b>                | 47.596.012   | 42.500.000       | 42.500.000    | -                  | -                     | -                  | -         | -                 | - 5.096.012          | -10,7%    |
| <b>II</b> | <b>TỔNG SỐ CHI</b>                                       | 332.758.975  | 350.826.363      | 344.902.881   | 3.687.397          | 1.724.900             | 511.185            | 478.990   | 32.195            | 18.067.388           | 5,4%      |
| <b>1</b>  | <b>Chi chế độ Bảo hiểm xã hội từ quỹ Bảo hiểm xã hội</b> | 198.427.487  | 210.471.586      | 207.352.621   | 1.718.965          | 1.400.000             | -                  | -         | -                 | 12.044.099           | 6,1%      |
| <b>2</b>  | <b>Chi chế độ Bảo hiểm y tế</b>                          | 102.697.550  | 106.118.250      | 104.331.740   | 1.639.210          | 147.300               | -                  | -         | -                 | 3.420.700            | 3,3%      |



|     |   |            |            |            |         |         |         |         |        |           |        |
|-----|---|------------|------------|------------|---------|---------|---------|---------|--------|-----------|--------|
| 3   | Chi chế độ Bảo hiểm thất nghiệp   | 18.851.609 | 21.721.795 | 21.721.795 | -       | -       | -       | -       | -      | 2.870.186 | 15,2%  |
| 4   | Chi phí quản lý   | 12.782.329 | 12.514.732 | 11.496.725 | 329.222 | 177.600 | 511.185 | 478.990 | 32.195 | - 267.597 | -2,1%  |
| 4.1 | Tổ chức thu, chi, phát triển và quản lý đối tượng   | 5.879.280  | 6.130.324  | 5.610.690  | 241.319 | 116.669 | 161.646 | 131.905 | 29.741 | 251.044   | 4,3%   |
|     | <i>Tỷ trọng tính trên tổng số</i>   | 46,0%      | 49,0%      |            |         |         |         |         |        |           |        |
| 4.2 | Chi phí quản lý bộ máy của cơ quan BHXH các cấp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an và các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN, TNLĐ – BNN thuộc ngành lao động | 4.558.088  | 4.491.908  | 4.093.535  | 87.903  | 60.931  | 249.539 | 247.085 | 2.454  | - 66.180  | -1,5%  |
|     | <i>Tỷ trọng tính trên tổng số</i>   | 35,7%      | 35,9%      |            |         |         |         |         |        |           |        |
| 4.3 | Chi ứng dụng CNTT, chi đầu tư phát triển  | 2.344.961  | 1.892.500  | 1.792.500  | -       | -       | 100.000 | 100.000 | -      | - 452.461 | -19,3% |
|     | - Chi ứng dụng CNTT, xây dựng CSDL quốc gia   | 844.961    | 892.500    | 792.500    | -       | -       | 100.000 | 100.000 |        | 47.539    | 5,6%   |
|     | <i>Trong đó chi ứng dụng tin học hóa trong KCB BHYT</i>   |            | 50.000     | 50.000     |         |         | -       |         |        | 50.000    | 0,0%   |
|     | - Chi đầu tư phát triển   | 1.500.000  | 1.000.000  | 1.000.000  |         |         | -       |         |        | - 500.000 | -33,3% |
|     | <i>Tỷ trọng tính trên tổng số</i>   | 18,3%      | 15,1%      |            |         |         |         |         |        |           |        |